TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2024
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 552/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1994;

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Tạm trú: Ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Ông **Võ Văn Mừng**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản khai; Văn bản trình bày ý kiến; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn M kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/12/2017. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông bà đã sống ly thân hơn 01 tháng nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông M nên xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên Võ Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 08/5/2021. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông M không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận việc làm ăn nên bà xin vắng mặt trong vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa bà và ông M.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông M đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông M có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà N và ông M có 01 con chung tên Võ Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 08/5/2021. Khi ly hôn, bà N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung vẫn còn nhỏ và hiện đang sống chung với bà N, do bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Tòa án đã nhiều lần mời ông M đến để giải quyết vấn đề con chung nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có; ông M vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và con chung với ông Võ Văn M, ông M đang cư trú tại xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà N và bị đơn ông M.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/12/2017 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, theo bà N trình bày thì giữa bà và ông M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã; ông bà đã sống ly thân hơn 01 tháng nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà N và ông M đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm để ông bà hàn gắn nhưng bà N xác định không còn tình cảm với ông M và kiên quyết xin ly hôn, ông M đều vắng mặt không có lý do.

Theo Biên bản xác minh ngày 13/12/2023 thì trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân khoảng hơn 01 tháng nay.

Như vậy, trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông M đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà N và ông M đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm để ông bà hàn gắn nhưng bà N xác định không còn tình cảm với ông M và kiên quyết xin ly hôn; ông M đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ông M đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N. Mặt khác, bà N và ông M đã sống ly thân hơn 01 tháng nay nhưng đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà N và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông M.

[4] Về con chung:

Bà N và ông M có 01 con chung tên Võ Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 08/5/2021. Khi ly hôn, bà N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện con chung vẫn còn nhỏ; từ khi bà N và ông M sống ly thân đến nay, con chung sống chung với bà N, do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã nhiều lần mời ông M đến để giải quyết vấn đề con chung nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, sau khi ly hôn giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà N khai không có; ông M vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Văn M.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn M có một con chung tên Võ Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 08/5/2021. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; ghi nhận bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Võ Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Văn M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có; ông Võ Văn M vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị N phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002571 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến